TÒA ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC 10 - TÂY NINH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: **146***/2025/DS-ST*
Ngày: 22-8-2025
Về việc: "Tranh chấp dân sự về hợp đồng vay tài sản";

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 10 - TÂY NINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Trọng Hiếu.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Võ Xuân Phong.

2. Ông Phạm Thanh Phong.

- Thư ký phiên tòa: Bà Vũ Thị Thuỳ Trang – Thư ký Toà án nhân dân khu vực 10 - Tây Ninh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 10 - Tây Ninh tham gia phiên toà: Bà Nguyễn Ngọc Nhiên, Kiểm sát viên.

Trong ngày 22 tháng 8 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 10 - Tây Ninh xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 219/2025/TLST-DS ngày 25 tháng 4 năm 2025 về việc "Tranh chấp dân sự về Hợp đồng vay tài sản" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 46/2025/QĐXX-ST ngày 10 tháng 7 năm 2025 và Quyết đinh hoãn phiên tòa số 55/2025/QĐST-DS ngày 30 tháng 7 năm 2025, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Anh C.H.P, sinh năm 1975. Căn cước công dân số 072075004223 cấp ngày 27-12-2021. Địa chỉ: khu phố Long Thành, phường Hoà Thành, tỉnh Tây Ninh.

Người đai diện theo uỷ quyền của Nguyên đơn: ông Nguyễn Văn Tông, sinh năm 1961. Căn cước công dân số 072061005368 cấp ngày 20-8-2022, vắng mặt, có Đơn xin vắng mặt.

Bị đơn:

1. Bà N.T.B.H, sinh năm 1962. Căn cước công dân số 072162006446 cấp ngày 28-6-2021. Địa chỉ: số 2/58, khu phố A, phường B, tỉnh Tây Ninh, vắng mặt.

2. Anh N.T.N.A, sinh năm 1991. Căn cước công dân số 072091004067 cấp ngày 05-11-2018. Địa chỉ: số 208, đường Trịnh Phong Đáng, khu phố A, phường B, tỉnh Tây Ninh, vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

*** Theo yêu cầu của Nguyên đơn tại Đơn khởi kiện, trong quá trình giải quyết trình bày như sau:**

Do quen biết nhau, ngày 27-02-2023 anh C.H.P có cho bà N.T.B.H (mẹ) và anh N.T.N.A (con ruột) vay số tiền 200.000.000 (Hai trăm triệu) đồng, thoả thuận 04 tháng sau trả tính từ ngày 27-02-2023, lãi suất 2%/tháng, các bên có lập Hợp đồng vay tiền tại Văn phòng công chứng Trần Tất Duy số công chứng 1706 quyển số 01/2023 TP/CC-SCC/HĐGD. Bà H, anh A không có thế chấp tài sản cho anh C.H.P. Trong quá trình vay tiền đến thời hạn trả nợ theo thoả thuận, Bà H, anh A không trả tiền lãi, tiền gốc nên anh P khởi kiện.

Nay, anh C.H.P yêu cầu Tòa án nhân dân khu vực 10 - Tây Ninh xem xét, giải quyết buộc bà N.T.B.H, anh N.T.N.A có nghĩa vụ trả anh C.H.P số tiền 200.000.000 (Hai trăm triệu) đồng, yêu cầu tính lãi suất từ ngày 27-02-2023 đến ngày 27-6-2023 với mức lãi 1,66%/tháng; tính từ ngày 28-6-2023 đến ngày giải quyết xong vụ án với mức lãi 0,83%/tháng.

**** Bị đơn bà N.T.B.H, anh N.T.N.A trình bày:***

Trong quá trình giải quyết công khai tài liệu, chứng cứ, hòa giải, Tòa án đã tống đạt các văn bản tố tụng nhưng Bà H, anh A không đến Tòa án để cung cấp chứng cứ, lời trình bày.

Tại phiên tòa, Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 10 - Tây Ninh phát biểu ý kiến:

+ Về việc tuân theo pháp luật: Thẩm phán thụ lý vụ án, thu thập chứng cứ, chuẩn bị xét xử và quyết định đưa vụ án ra xét xử đều bảo đảm đúng quy định về nội dung, thẩm quyền của Bộ luật Tố tụng dân sự; Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa thực hiện đúng trình tự, thủ tục đối với phiên tòa dân sự.

+ Về việc giải quyết vụ án:

Căn cứ các Điều 463, 466, 468, 470 Bộ luật dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông C.H.P về việc yêu cầu bà N.T.B.H và anh N.T.N.A yêu cầu trả số tiền vốn vay 200.000.000 đồng và tiền lãi theo quy định pháp luật. Về án phí: Đương sự phải chịu theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà, ý kiến của Kiểm sát viên, các đương sự, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

Về việc vắng mặt của các đương sự, Hội đồng xét xử căn cứ vào Điều 227, 228, 233, 238 của Bộ luật Tố tụng dân sự tiến hành xét xử theo quy định pháp luật.

[2] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết:

Anh C.H.P trình bày cho anh N.T.N.A, bà N.T.B.H vay số tiền là

200.000.000 (Hai trăm triệu) đồng, thoả thuận lãi suất, thời gian trả nợ nhưng đến hạn không trả nên anh P khởi kiện. Do đó, cần căn cứ khoản 3 Điều 26 Bộ luật Tố tụng Dân sự xác định đây là vụ án dân sự về việc "Tranh chấp dân sự về hợp đồng vay tài sản" giữa Nguyên đơn anh C.H.P và Bị đơn anh N.T.N.A, bà N.T.B.H. Vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân khu vực 10 - Tây Ninh theo quy định tại Điểm a Khoản 1 Điều 35 và Điểm a Khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng Dân sự.

[3] Về nội dung vụ án thể hiện:

[3.1] Trong quá trình giải quyết vụ án, anh C.H.P cung cấp chứng cứ Hợp đồng vay tiền ngày 27-02-2023 (Bút lục 01-03) bản gốc lập tại Văn phòng công chứng Trần Tất Duy số công chứng 1706 quyển số 01/2023 TP/CC-SCC/HĐGD. Anh N.T.N.A, bà N.T.B.H không cung cấp thêm các tài liệu, chứng cứ. Vì vậy, Hội đồng xét xử căn cứ Điều 91; khoản 2 Điều 92 của Bộ luật Tố tụng dân sự xác định các tài liệu có trong hồ sơ vụ án là chứng cứ hợp pháp dùng giải quyết vụ án.

[3.2] Xét yêu cầu khởi kiện của anh C.H.P Hội đồng xét xử nhận thấy:

Anh C.H.P quen biết anh N.T.N.A, bà N.T.B.H nên cho vay số tiền 200.000.000 đồng, có lập Hợp đồng vay tiền tại Văn phòng công chứng, ký tên, thỏa thuận vay 04 tháng tính từ ngày 27-02-2023 trả tiền gốc, thoả thuận lãi suất là 2%/tháng. Tuy nhiên, a A, bà H không trả theo thoả thuận nên anh P khởi kiện yêu cầu Tòa án nhân dân khu vực 10 – Tây Ninh xem xét, giải quyết buộc anh N.T.N.A, bà N.T.B.H có nghĩa vụ trả cho anh C.H.P số tiền 200.000.000 (Hai trăm triệu) đồng và yêu cầu tính lãi suất từ ngày 27-02-2023 đến ngày 27-6-2023 với mức lãi suất 1,66%/tháng; tính từ ngày 28-6-2023 đến ngày giải quyết xong vụ án với mức lãi suất 0,83%/tháng, Hội đồng xét xử xét thấy yêu cầu của anh P là có căn cứ, cần chấp nhận, cụ thể được tính như sau:

+ Lãi suất 1,66%/tháng từ ngày 27-02-2023 đến ngày 27-6-2023 là 04 tháng, được tính như sau: 200.000.000 đồng x 1,66%/tháng x 04 tháng = 13.280.000 (Mười ba triệu, hai trăm tám mươi nghìn) đồng;

+ Lãi suất 0,83%/tháng từ ngày 28-6-2023 đến ngày xét xử (ngày 22-8-2025) là 25 tháng 26 ngày, được tính như sau: 200.000.000 đồng x 0,83%/tháng x 25 tháng 26 ngày = 42.938.600 (Bốn mươi hai triệu, chín trăm ba mươi tám nghìn, sáu trăm) đồng;

Tổng cộng, anh N.T.N.A, bà N.T.B.H có nghĩa vụ trả cho anh C.H.P số tiền gốc và lãi là: 256.218.600 (Hai trăm năm mươi sáu triệu, hai trăm mười tám nghìn, sáu trăm) đồng.

[4] Căn cứ các tài liệu có trong hồ sơ, xét đề nghị của Kiểm sát viên đại diện Viện Kiểm sát nhân dân khu vực 10 - Tây Ninh, Hội đồng xét xử xét thấy cần chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh C.H.P theo hướng phân tích trên.

[5] Về án phí: Căn cứ Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội: anh N.T.N.A, bà N.T.B.H phải chịu 12.810.900 (Mười hai triệu, tám trăm mười nghìn, chín trăm) đồng án phí dân sự sơ thẩm.

[6] Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong

thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tống đạt hợp lệ

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ Điều 463, 466, 468 Bộ luật Dân sự năm 2015; Điều 146, 147 Bộ luật Tố tụng Dân sự; Nghị quyết 326 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án:

1. Tuyên xử:

- Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh C.H.P đối với anh N.T.N.A, bà N.T.B.H về "Tranh chấp dân sự về hợp đồng vay tài sản".

Buộc anh N.T.N.A, bà N.T.B.H có nghĩa vụ trả cho anh C.H.P số tiền gốc và lãi là: 256.218.600 (Hai trăm năm mươi sáu triệu, hai trăm mười tám nghìn, sáu trăm) đồng, trong đó tiền gốc là 200.000.000 (Hai trăm triệu) đồng, tiền lãi 56.218.600 (Năm mươi sáu triệu, hai trăm mười tám nghìn, sáu trăm) đồng.

"Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất các bên thỏa thuận nhưng phải phù hợp với quy định của pháp luật; nếu không có thỏa thuận về mức lãi suất thì quyết định theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015".

2. Về án phí: Anh N.T.N.A, bà N.T.B.H phải chịu 12.810.900 (Mười hai triệu, tám trăm mười nghìn, chín trăm) đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Anh C.H.P không phải chịu án phí. Thi hành án Dân sự tỉnh Tây Ninh (Phòng Thi hành án dân sự khu vực 10) hoàn lại số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 6.000.000 (Sáu triệu) đồng theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí tòa án số 0008551 ngày 24-4-2025 cho anh C.H.P.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế theo quy định tại các Điều 6, 7 và Điều 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

3. Quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tống đạt hợp lệ./.

Nơi nhận:
- Tòa án ND tỉnh Tây Ninh;
- Thi hành án Dân sự tỉnh Tây Ninh
- Phòng Thi hành án dân sự khu vực 10;
- VKSND Khu vực 10 - Tây Ninh;

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

- Đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án (Hi).

Trần Trọng Hiếu